Mẫu số 40-DS
NQ01/2017/NQ-HĐTP
13/01/2017

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH LAI CHÂU

Số: 15/2020/QĐST-HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

T, ngày 12 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 18/2020/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Anh Lò Văn T, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Bản Én Nọi, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu.

Bị đơn: Chị Lò Thị Y, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Bản Én Nọi, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 02 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lò Văn T và chị Lò Thị Y.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lò Văn T và chị Lò Thị Y thuận tình ly hôn.

- Việc nuôi con: Anh Lò Văn T và chị Lò Thị Y có một con chung tên là Lò Thị Thùy Chinh, sinh ngày 20/3/2012. Anh Lò Văn T và chị Lò Thị Y thỏa thuận như sau:

+ Giao cho chị Lò Thị Y là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Lò Thị Thùy Chinh, sinh ngày 20/3/2012 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung anh Lò Văn T và chị Lò Thị Y thỏa thuận cụ thể như sau:

Anh Lò Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Lò Thị Thùy Chinh, sinh ngày 20/3/2012 mỗi tháng 1.000.000 đồng *(một triệu đồng)* cho đến khi

cháu Lò Thị Thùy Chinh thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác.

Phương thức cấp dưỡng: Mỗi tháng 01 lần vào ngày 15 hàng tháng

Thời điểm cấp dưỡng: Kể từ ngày 15/3/2020 cho đến khi cháu Lò Thị Thùy Chinh thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với chị Y. Chị Y có quyền yêu cầu anh T cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Sau khi ly hôn anh Lò Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, chị Y có đơn yêu cầu thi hành án, anh T chưa thi hành được (không đóng tiền cấp dưỡng nuôi con như trên hoặc không đóng đầy đủ) thì bên phải thi hành án còn phải chịu thêm phần lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Anh Lò Văn T và chị Lò Thị Y xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) Anh Lò Văn T và chị Lò Thị Y mỗi người phải chịu 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)*. Anh T phải chịu 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị là để anh T nộp thay chị Y số tiền án phí mà chị Y phải nộp. Xác nhận anh T đã nộp đủ 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2010/0004440 ngày 07/01/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Lai Châu nay chuyển thành án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Giang Thị Vượng

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã M;
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.